TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2023
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D- TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thò Bá Tểnh

Bà Đặng Thị Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Quang Lương Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà***: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 106/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị L Th H, sinh năm 1980 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản H N, xã L D, huyện C C, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh V V A. Sinh năm 1977 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản Đ, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị L Th H trình bày:

Tình cảm: Chị H và anh V V A tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 1998. Chị H và anh A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L D, huyện C C, tỉnh Nghệ An vào ngày 17 tháng 12 năm 2003 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 14 năm

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, bản thân anh A thường xuyên rượu chè, chưởi bới, xúc phạm chị thậm tệ, quá trình mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng hai vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, khiến cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, đến tháng 6/2014 thì vợ chồng quyết định sống ly thân với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị H có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

Con chung: Chị H và anh A có 02 con chung là cháu V V D, sinh ngày 22/7/1998 và cháu V V H, sinh ngày 09/8/2001, hiện các cháu đã trưởng thành không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Tại bản tự khai ngày 01 tháng 11 năm 2023 anh V V A trình bày:

Về tình cảm: Anh A và chị L Th H tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 1998. Anh A và chị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L D, huyện C C, tỉnh Nghệ An vào ngày 17 tháng 12 năm 2003 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Bản thân anh A không muốn ly hôn với chị H nhưng chị H cương quyết ly hôn thì anh A đồng ý.

Về con chung: Anh A và chị H có 02 con chung là cháu V V D, sinh năm 1998 và cháu V V H, sinh năm 2001 đã trưởng thành không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết

Giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Kết thúc phiên họp Tòa án đã tống đạt hợp lệ kết quả cho anh A nhưng vẫn không có ý kiến phản hồi từ anh A nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật

tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị L Th H cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị L Th H được ly hôn với anh V V A; Con Chung: Chị H và anh A có 02 con chung là cháu V V D, sinh năm 1998 và cháu V V H, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Chị H chịu Toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh V V A có hộ khẩu thường trú tại bản Đ, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị L Th H và bị đơn anh V V A thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị H và anh A kết hôn với nhau vào năm 2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã L D, huyện C C, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 45/2003 ngày 17/12/2003 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị H và anh A có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, hai người đã không sống chung với nhau một thời gian dài, điều đó phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: Chị H và anh A có 02 con chung là cháu V V D, sinh năm 1998 và cháu V V H, sinh năm 2001 đã trưởng thành, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị L Th H, anh V V A không yêu cầu

Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị L Th H được ly hôn với anh V V A.

2. Con chung: Chị L Th H và anh V V A có 02 con chung là cháu V V D, sinh năm 1998 và cháu V V H, sinh năm 2001 đã trưởng thành.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Buộc chị L Th H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Tòa án số AA/2022/0005124 ngày 10/10/2023của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.T D;
- Cơ quan THADS H.T D;
- Các đương sự;
- UBND xã Lục Dạ, Con Cuông;
- Lưu Vp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lương Thị Ái